

Bản án: 22/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26 - 4 - 2024  
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Sửu.
- Ông Nguyễn Lâm Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đồng Khánh Ly, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hà Đăng Chương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXX-ST ngày 8 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 3 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Ông Giáp Văn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bà Nguyễn Thị H trình bày:** Bà kết hôn với ông Giáp Văn Đ ngày 18/01/2002, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia

đình ông Đ, năm 2010 vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho tại thôn T, xã C, huyện T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ đầu tháng 01/2022, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống và trong làm ăn kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông Đ được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Giáp Thị Huyền T, sinh ngày 20/10/2002, Giáp Anh K, sinh ngày 27/8/2006 và Giáp Thùy L, sinh ngày 27/12/2008, cháu T đã 21 tuổi có công ăn việc làm ổn định nên không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng, cháu K ở cùng ông Đ, cháu L ở cùng bà. Vợ chồng ly hôn, bà đề nghị các cháu đã lớn, nếu các cháu đề nghị ở với ai thì người đó sẽ chăm sóc nuôi dưỡng, trong trường hợp bà nuôi dưỡng cả cháu K và cháu L thì bà không yêu cầu ông Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, bà đủ điều kiện nuôi con ăn học, mức thu nhập của bà khoảng 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Bà xác định vợ chồng có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, vợ chồng tự thoả thuận về tài sản do vậy bà không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ của vợ chồng.

**Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 7/02/2024 ông Giáp Văn Đ trình bày:** Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị H ngày 18/01/2002, trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình ông. Năm 2010 vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng trên đất của bố mẹ tại thôn T, xã C. Đến tháng 9/2023 bà H về bên ngoại sinh sống cùng con gái là Giáp Thị Huyền T và Giáp Thùy L ở thôn C, xã N, huyện T không chung sống cùng ông và Giáp Anh K, ông nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, nên bà H xin ly hôn ông không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Giáp Thị Huyền T, sinh ngày 20/10/2002, Giáp Anh K, sinh ngày 27/8/2006 và Giáp Thùy L, sinh ngày 27/12/2008. Đối với cháu Giáp A K bị khuyết tật từ năm 10 tuổi đến nay, cháu

được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội cho người khuyết tật hàng tháng, gia đình không đưa cháu đi khám chữa bệnh và cháu không được đi học, trường hợp ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Ông làm thuê sửa chữa lắp đặt điện nước, mức thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc không cố định nên ông xin xét xử vắng mặt và không tham gia các buổi làm việc của Tòa án, tuy nhiên ông không viết đơn xin xét xử vắng mặt mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2023 cháu Giáp Thị Huyền T trình bày: Cháu là con của bố Giáp Văn Đ và mẹ Nguyễn Thị H, hiện tại cháu 21 tuổi làm nghề tự do mức thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng nên tự lo cho bản thân và không cần bố mẹ chu cấp nuôi dưỡng và quản lý. Đối với tài sản chung của bố mẹ cháu không có đóng góp, không có định suất đất nông nghiệp do vậy cháu không liên quan đến tài sản chung của bố mẹ.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2023 cháu G Thùy L trình bày: Cháu là con của bố Giáp Văn Đ và mẹ Nguyễn Thị H, hiện cháu đang là học sinh lớp 10A5 trường THPT H2, hiện tại cháu đang ở cùng mẹ, trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ vì ở cùng mẹ cháu sẽ được chăm sóc tốt hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Giáp Văn Đ như: Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Đ. Tại các buổi làm việc cũng như quá trình giải quyết vụ án ông Đ không đến Tòa án làm việc mà chỉ cung cấp lời khai thể hiện quan điểm là không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị được nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu bà H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông Giáp Văn Đ được ly hôn. Bà đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông Giáp Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn ông Giáp Văn Đ không chấp hành theo đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H và ông Giáp Văn Đ được ly hôn.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng Giáp Thùy L, sinh ngày 27/12/2008, giao ông Giáp Văn Đ nuôi dưỡng Giáp Anh K, sinh ngày 27/8/2006, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà H và ông Đ có quyền thăm nom con sau ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của bà H và ông Đ.

Về tài sản, công nợ chung: Bà H và ông Đ không đề nghị giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn ông Giáp Văn Đ, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Giáp Văn Đ và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Bà Nguyễn Thị H kết hôn ông Giáp Văn Đ ngày 18/01/2002 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình ông Đ đến năm 2010 thì vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc hiện vợ chồng đã có ba con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh tháng 01/2022, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023, bà H không về chung sống cùng ông Đ, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông Đ được ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Giáp Văn Đ đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H, xử cho bà Nguyễn Thị H và ông Giáp Văn Đ được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Giáp Văn Đ có 03 con chung con chung là Giáp Thị Huyền T, sinh ngày 20/10/2002, Giáp Anh K, sinh ngày 27/8/2006 và Giáp Thùy L, sinh ngày 27/12/2008, bà H và ông Đ đều đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên kia đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà H đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại, về

nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Giáp Văn Đ có 03 con chung thì Giáp Thị Huyền T đã 22 tuổi có công việc và thu nhập ổn định, tự lo cho bản thân do vậy không xem xét giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng, quản lý. Bà H trực tiếp nuôi dưỡng Giáp T, ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng Giáp Anh K từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, nay bà H và ông Đ đều có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên trong ý kiến trình bày cháu L có nguyện vọng được giao chác cho mẹ nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay, giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà H và ông Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Giáp Văn Đ đều xác định vợ chồng không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Cho Bà Nguyễn Thị H và ông Giáp Văn Đ được ly hôn.

**[2] Về con chung:** Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng Giáp Thùy L, sinh ngày 27/12/2008, giao ông Giáp Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng Giáp

Anh K, sinh ngày 27/8/2006. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Đ, bà H có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của ông Đ và bà H.

**[3] Về tài sản; công nợ chung:** Không đặt ra xem xét giải quyết.

**[4] Về án phí:** Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà H1 đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0006570 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã Cao Xá;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Biên**